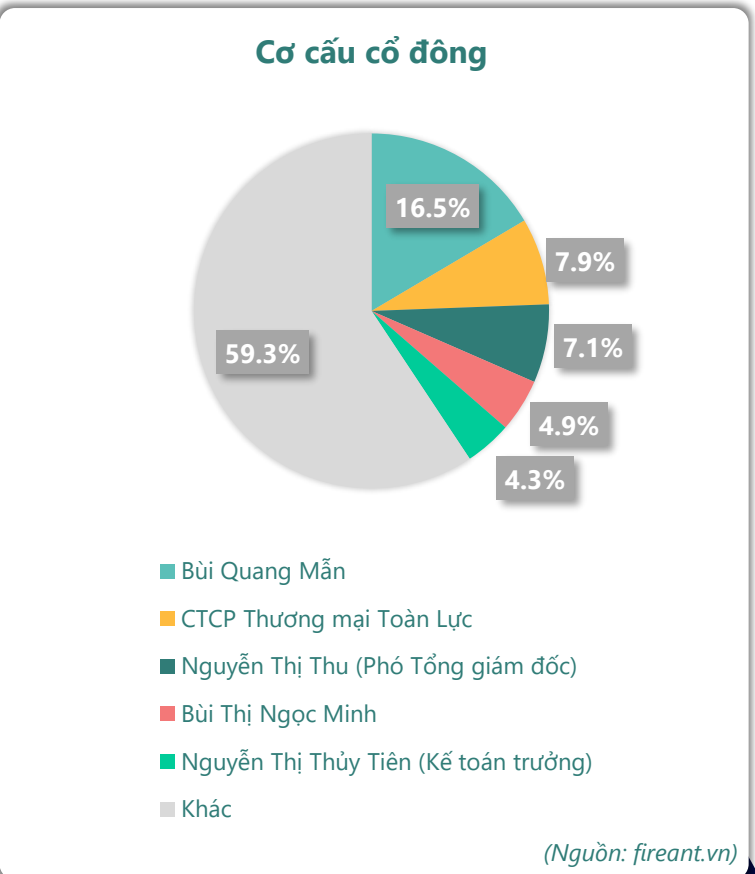
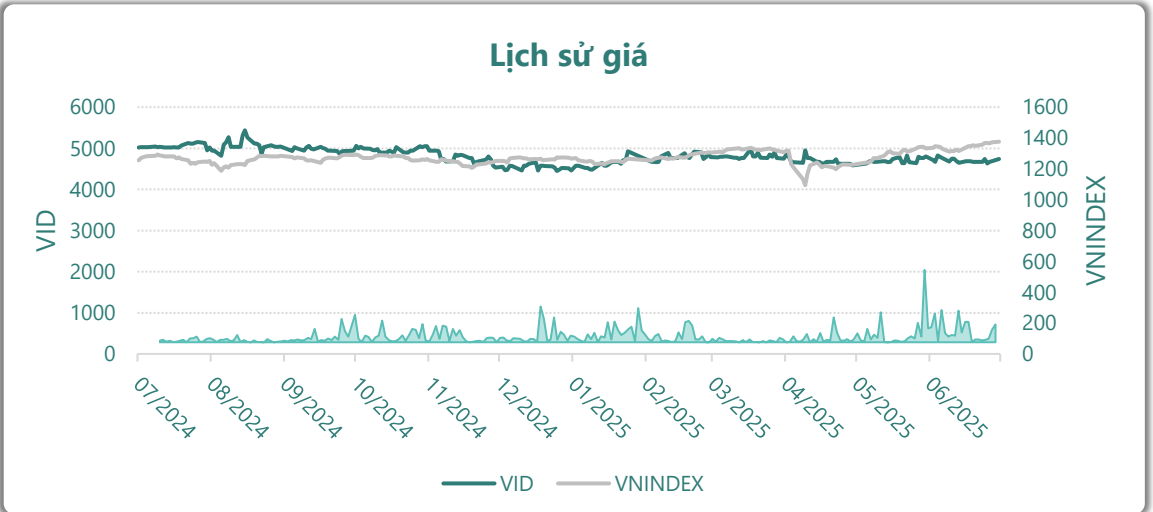
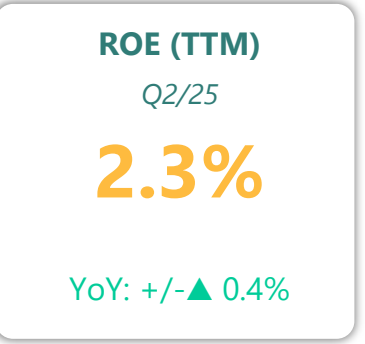
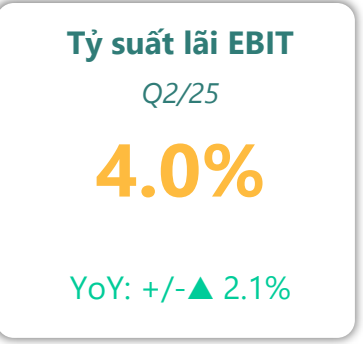
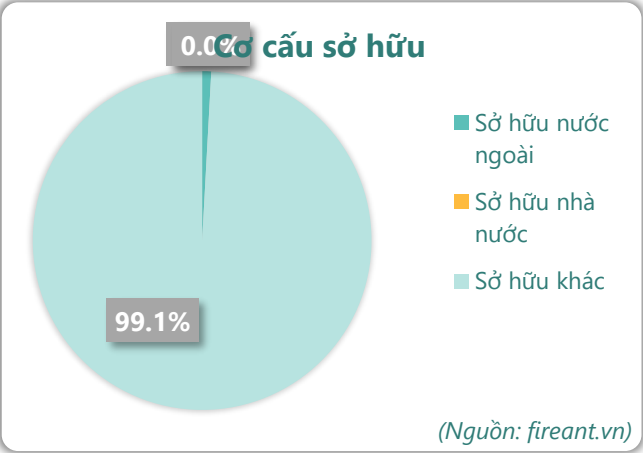


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

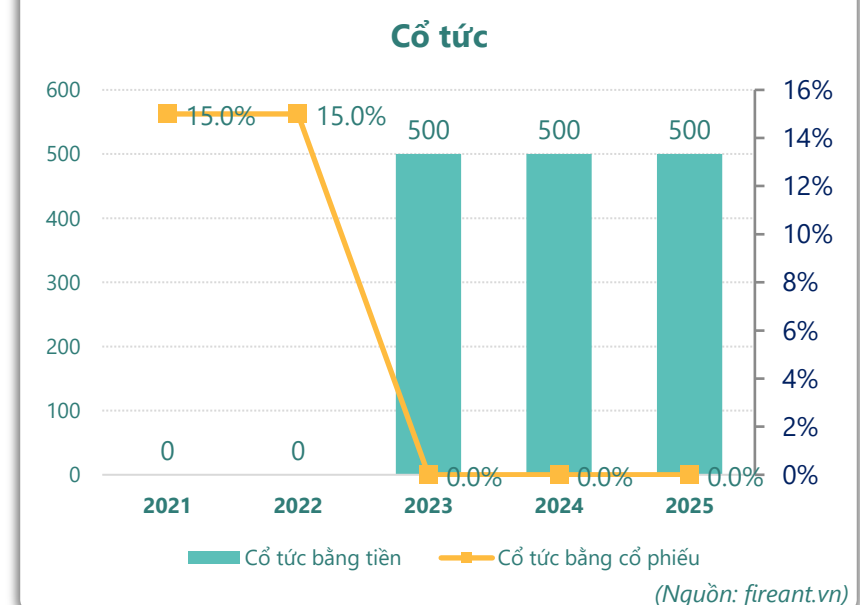
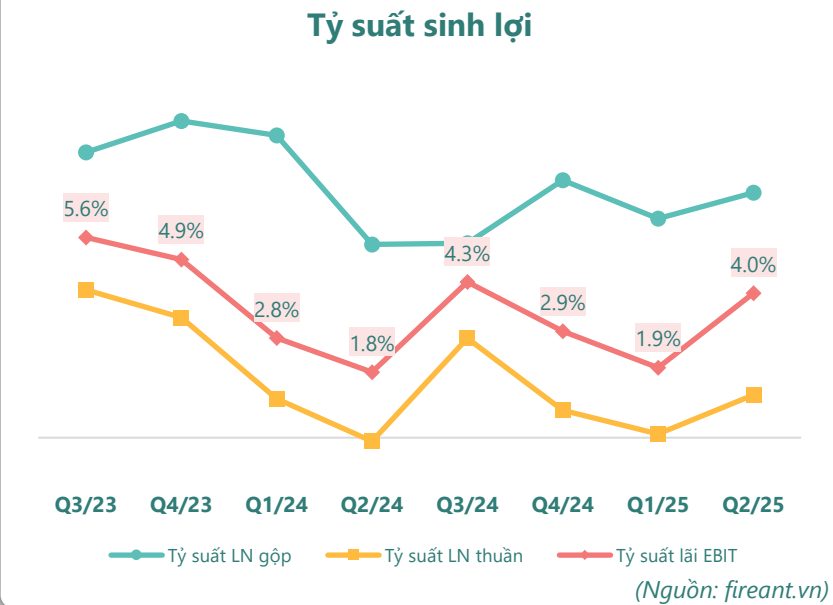
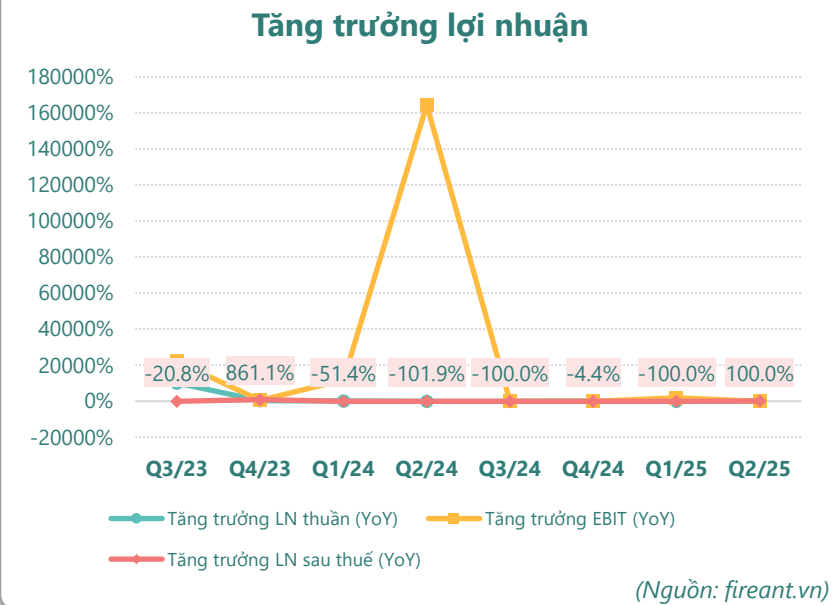
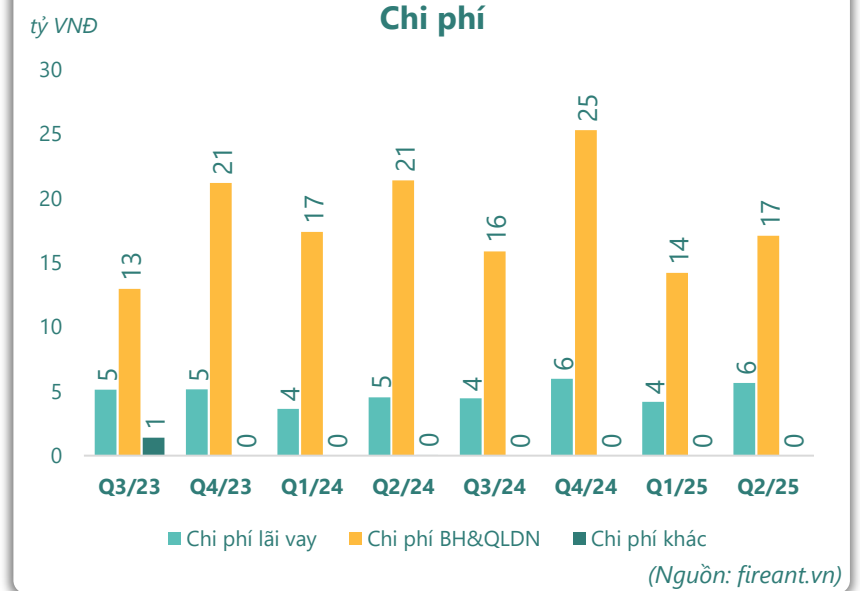
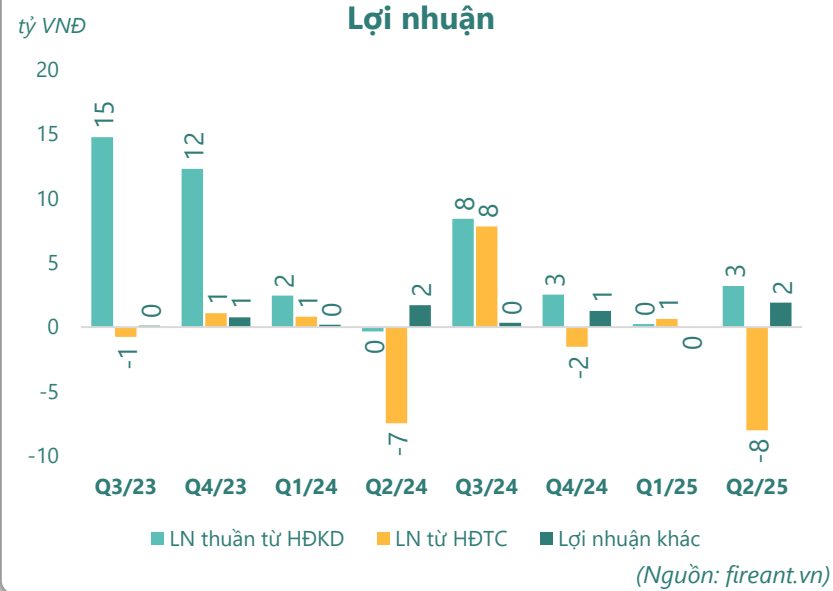
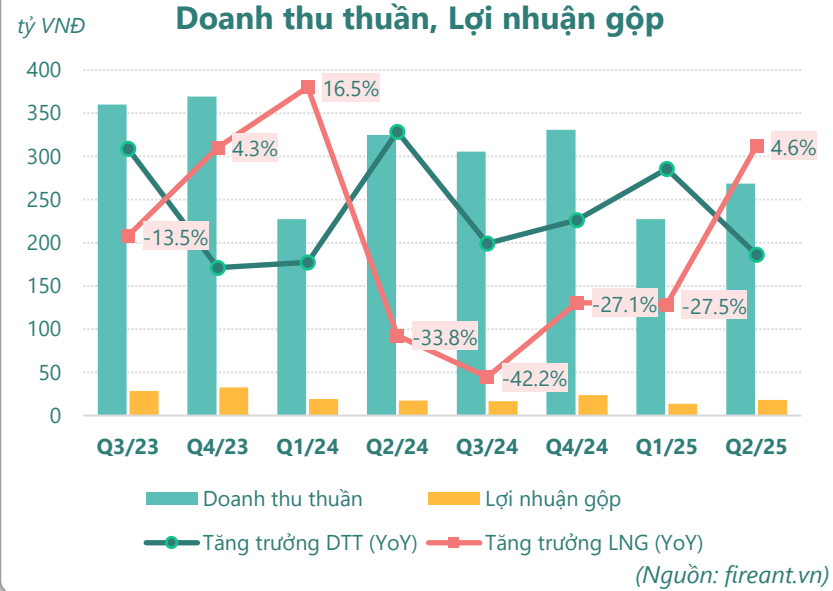
CTCP Đầu tư Phát triển thương mại Viễn Đông

Ngày 30/06/2025	5,180 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.0%	9.0%	16.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,448 - 5,437
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	212
Số lượng CPLH (CP)	40,836,069
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,395
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	(0.10)
EPS	384
P/E	13.5



KẾT QUẢ KINH DOANH



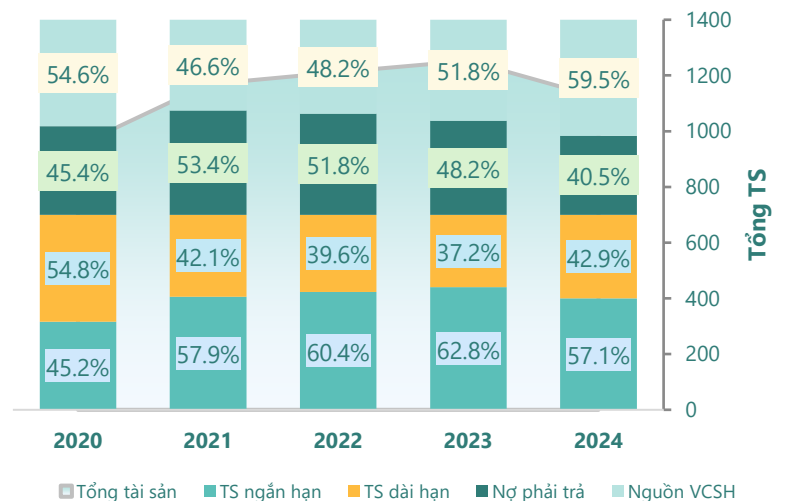


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

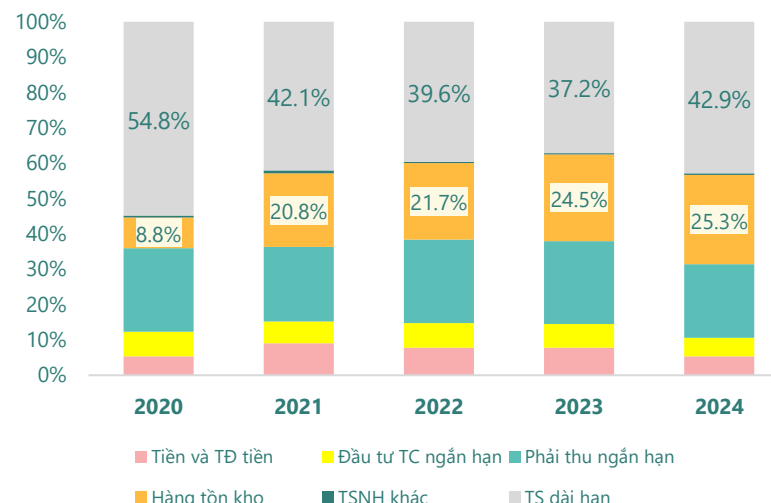
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

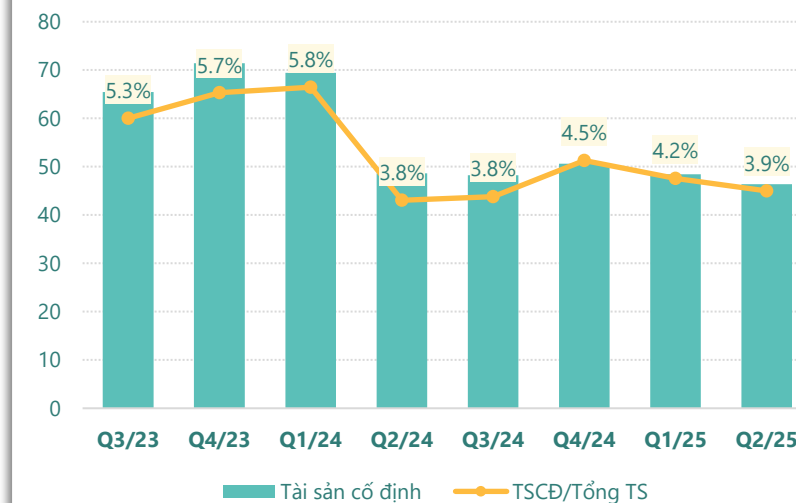
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

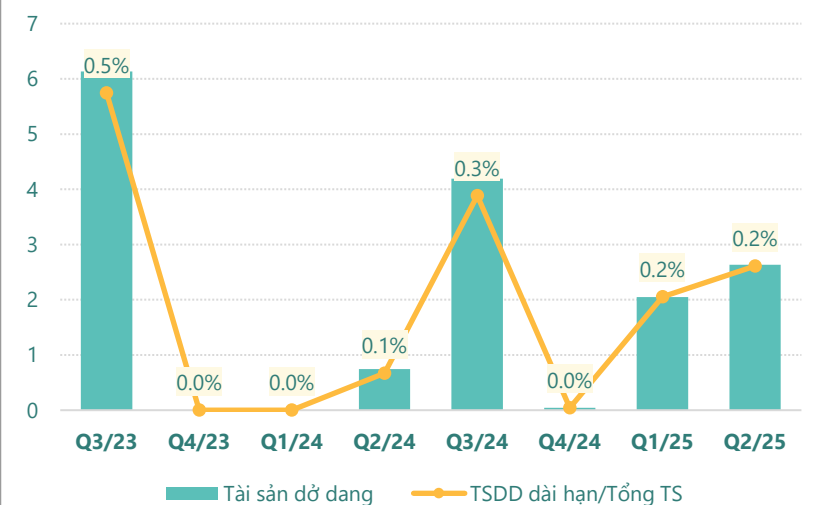
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

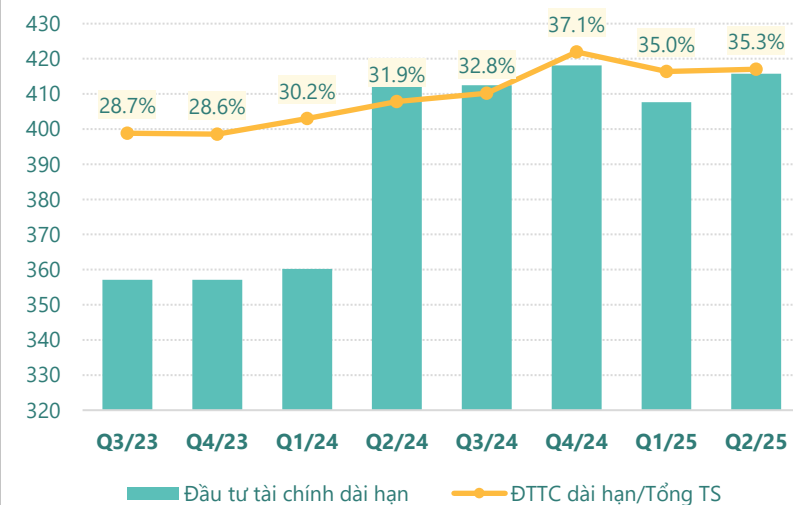
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

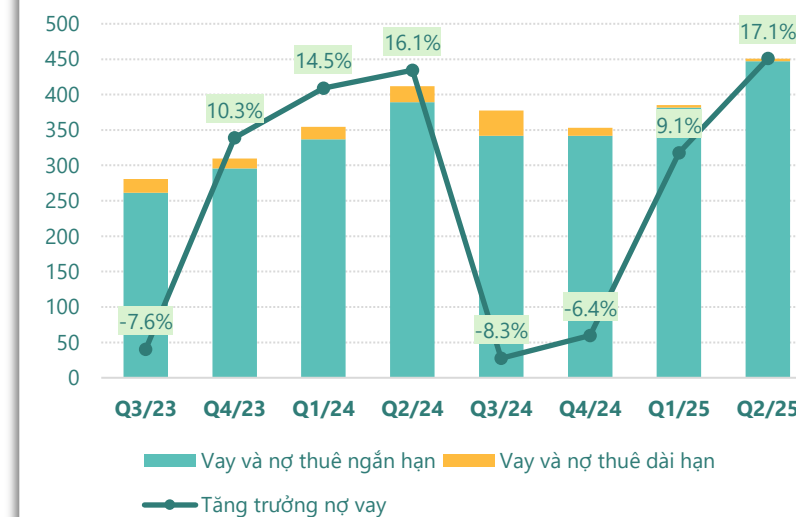
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

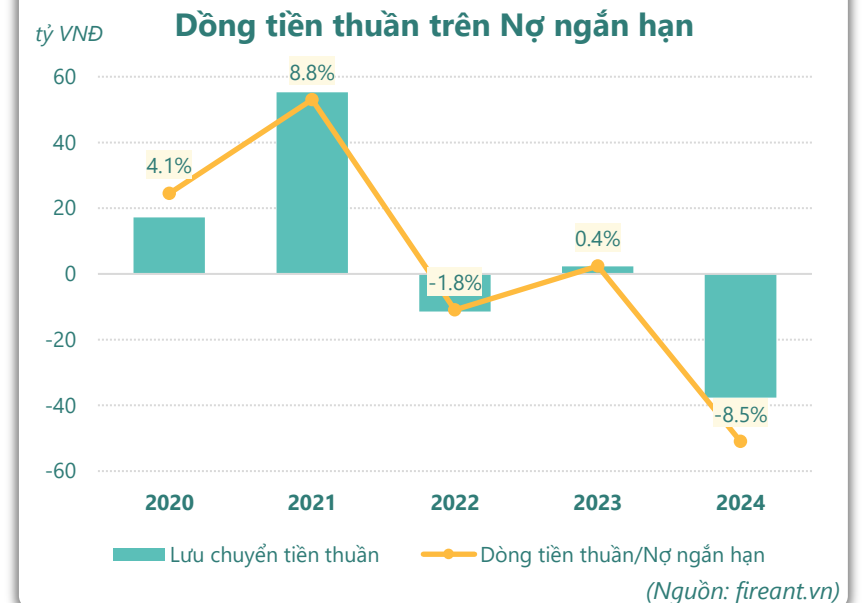
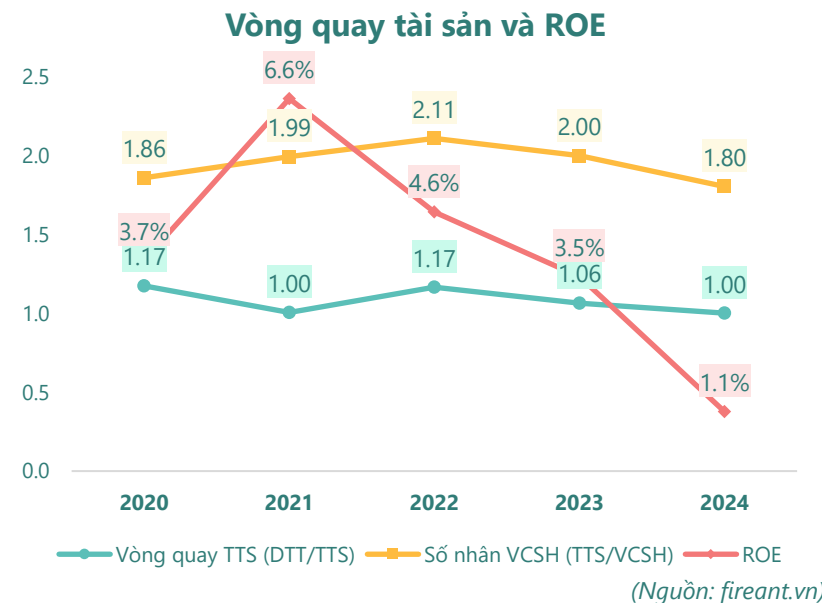
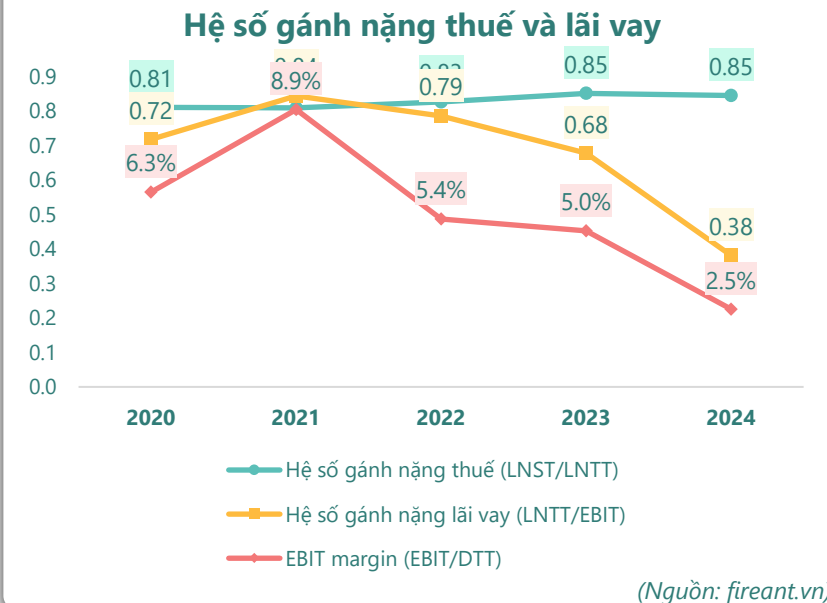
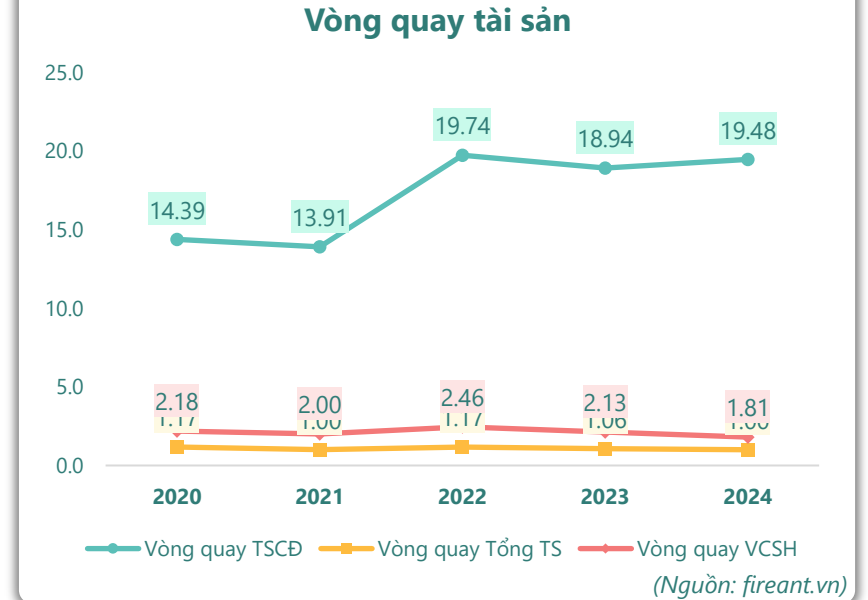
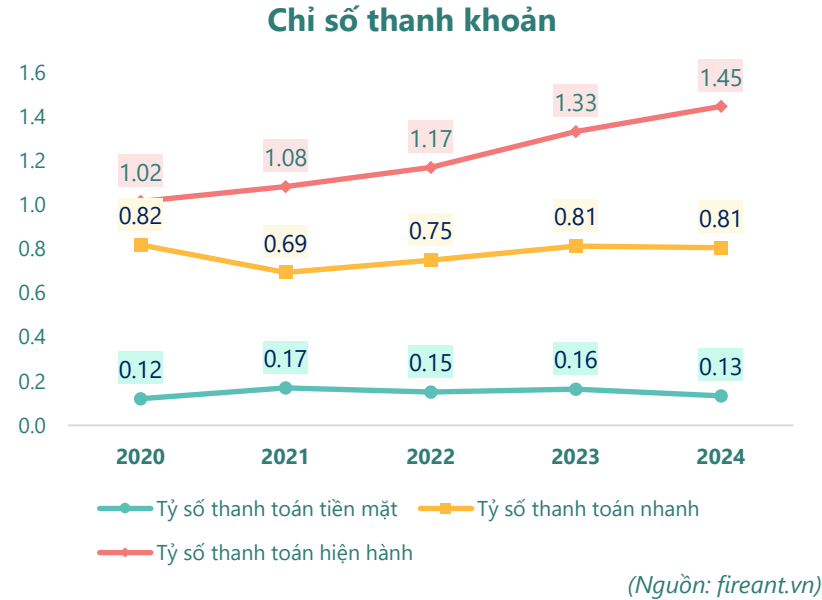
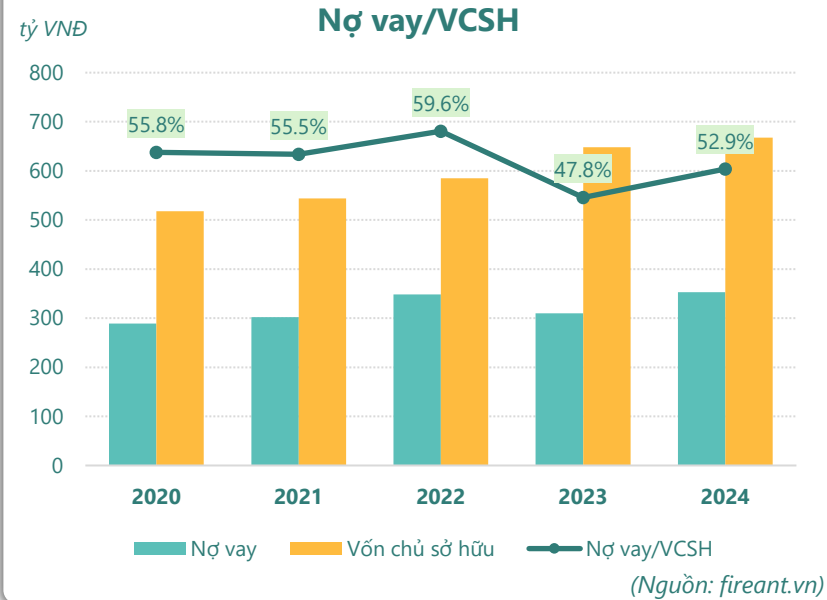
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	268	325	-17.4%	496	552	-10.3%
Giá vốn hàng bán	250	308	-18.8%	464	516	-10.1%
Lợi nhuận gộp	18.2	17.4	4.8%	32.0	36.5	-12.2%
Doanh thu HĐTC	1.34	-1.65	181%	7.28	4.79	52.0%
Chi phí TC	9.37	5.83	60.7%	14.7	11.5	27.9%
Chi phí lãi vay	5.67	4.54	24.8%	9.84	8.19	20.2%
LN trong công ty LKLD	10.1	11.1	-9.2%	10.1	11.1	-9.6%
Chi phí bán hàng	4.25	7.94	-46.5%	10.1	16.1	-37.3%
Chi phí QLDN	12.9	13.5	-4.8%	21.2	22.7	-6.7%
LN thuần từ HĐKD	3.19	-0.32	1097%	3.43	2.12	61.7%
Lợi nhuận khác	1.90	1.70	11.8%	1.90	1.89	0.6%
LN trước thuế	5.09	1.37	272%	5.33	4.01	33.0%
Lợi nhuận sau thuế	5.09	1.43	256%	5.33	4.01	33.0%
LNST của CĐ cty mẹ	3.79	0.48	690%	3.92	2.25	74.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-97.0	-65.3	39.3	30.0	-58.4	-64.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	31.4	1.40	9.80	-8.51	-14.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	45.0	46.0	-54.8	-23.5	32.0	65.7
Tiền đầu kỳ	97.1	45.1	57.2	43.1	59.5	24.6
Lưu chuyển tiền thuần	-52.0	12.0	-14.0	16.3	-34.9	-12.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.1	57.2	43.1	59.5	24.6	11.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,178	1,122	5.0%
Tài sản ngắn hạn	640	641	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	11.7	59.5	-80.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.6	59.8	-70.6%
Phải thu ngắn hạn	239	233	2.7%
Hàng tồn kho	361	284	27.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	5.15	103%
Tài sản dài hạn	538	481	11.9%
Phải thu dài hạn	52.2	0.55	9310%
Tài sản cố định	46.4	50.6	-8.4%
Bất động sản đầu tư	18.8	18.8	0.0%
Tài sản dở dang	2.63	0.04	6158%
Đầu tư tài chính dài hạn	416	408	2.0%
Tài sản dài hạn khác	1.19	1.49	-19.8%
Lợi thế thương mại	1.34	1.78	-25.0%
Nợ phải trả	505	454	11.2%
Nợ ngắn hạn	501	443	13.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	447	342	30.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.3	91.1	-72.3%
Nợ dài hạn	3.60	10.9	-66.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.60	10.7	-66.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	673	668	0.8%
Vốn chủ sở hữu	673	668	0.8%
Vốn điều lệ	408	408	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

